

## THỰC TRẠNG TUÂN THỦ ĐIỀU TRỊ ĐÁI THÁO ĐƯỜNG TYPE 2 THEO THANG ĐO MORISKY-8 CỦA BỆNH NHÂN TẠI BỆNH VIỆN ĐẠI HỌC VĨ TRƯỜNG TOÀN

Nguyễn Văn Tuấn<sup>1</sup>, Trần Đỗ Thanh Phong<sup>1</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Xác định tỷ lệ tuân thủ điều trị đái tháo đường theo thang đo Morisky-8 của bệnh nhân điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025. **Phương pháp:** Thiết kế nghiên cứu cắt ngang mô tả, trên 300 bệnh nhân Đái tháo đường type 2 đang điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn từ tháng 01/2025 đến 02/2025. **Kết quả:** Đặc điểm chung của bệnh nhân: Đa số người bệnh trong nghiên cứu ở nhóm  $\geq 60$  tuổi (53,0%), nữ giới chiếm ưu thế (59,3%) và sống tại thành thị (60,3%). Tất cả đều có tham gia bảo hiểm y tế (100%) và phần lớn sống cùng gia đình (98,0%). Về học vấn, nhóm trung học phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất (40,0%). Nghề nghiệp chủ yếu là nghỉ hưu (51,7%). Thời gian mắc bệnh dưới 5 năm chiếm đa số (72,0%), và 43,7% có tiền sử gia đình mắc bệnh. Tỷ lệ tuân thủ điều trị dùng thuốc của bệnh nhân Đái tháo đường type 2 theo thang đo Morisky-8: tuân thủ điều trị là 70,3% và không tuân thủ điều trị là 29,3%.

**Từ khóa:** tuân thủ điều trị, đái tháo đường, ngoại trú.

### SUMMARY

#### THE TREATMENT ADHERENCE STATUS OF OUTPATIENTS WITH TYPE 2 DIABETES MELLITUS ACCORDING TO THE MORISKY-8 SCALE AT VO TRUONG TOAN UNIVERSITY HOSPITAL

**Objective:** To determine the rate of treatment adherence among outpatients with type 2 diabetes mellitus according to the Morisky-8 Medication Adherence Scale at Vo Truong Toan University Hospital in 2025. **Methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted on 300 patients with type 2 diabetes mellitus undergoing outpatient treatment at Vo Truong Toan University Hospital from January 2025 to February 2025. **Result:** The general characteristics of the patients were as follows: most participants were aged  $\geq 60$  years (53.0%), females accounted for the majority (59.3%), and 60.3% resided in urban areas. All patients had health insurance coverage (100%), and most lived with their families (98.0%). Regarding educational level, high school graduates made up the largest proportion (40.0%). The predominant occupation was retired individuals (51.7%). The majority had a disease duration of less than 5 years (72.0%), and 43.7%

<sup>1</sup>Trường Đại học Võ Trường Toàn

Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Văn Tuấn

Email: 8340766261@stu.vttu.edu.vn

Ngày nhận bài: 3.10.2025

Ngày phản biện khoa học: 17.11.2025

Ngày duyệt bài: 5.12.2025

reported a family history of diabetes. According to the Morisky-8 Medication Adherence Scale, 70.3% of patients demonstrated treatment adherence, while 29.3% were non-adherent. **Keywords:** medication adherence, type 2 diabetes mellitus, outpatient.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), hiện có khoảng 830 triệu người mắc bệnh đái tháo đường trên toàn cầu, trong đó phần lớn sinh sống tại các quốc gia có thu nhập thấp và trung bình. Hơn một nửa số người mắc bệnh chưa được chẩn đoán hoặc điều trị đầy đủ. Trong nhiều thập kỷ qua, cả tỷ lệ hiện mắc và tỷ lệ người bệnh không được điều trị đều có xu hướng gia tăng ổn định [1]. Trong các thể bệnh, đái tháo đường type 2 chiếm khoảng 90–95% tổng số trường hợp. Việc duy trì lối sống lành mạnh kết hợp với tuân thủ điều trị bằng thuốc là hai yếu tố then chốt giúp kiểm soát đường huyết và hạn chế biến chứng ở người bệnh [2]. Từ những yếu tố trên, chúng tôi thực hiện đề tài với mục tiêu: *Xác định tỷ lệ tuân thủ điều trị đái tháo đường type 2 theo thang đo Morisky-8 của bệnh nhân đang điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn năm 2025.*

### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

**2.1. Đối tượng nghiên cứu:** Bệnh nhân Đái tháo đường type 2 đang điều trị ngoại trú tại Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn từ tháng 01/2025 đến 02/2025.

**Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Bệnh nhân ngoại trú được chẩn đoán xác định là đái tháo đường typ 2, từ 18 tuổi trở lên, có khả năng nghe, nói trả lời câu hỏi phỏng vấn và đồng ý tham gia nghiên cứu.

**Tiêu chuẩn loại trừ:** Bệnh nhân có diễn biến bệnh nặng phải chuyển sang điều trị nội trú. Bệnh nhân tâm đức hoặc tinh thần không còn được minh mẫn.

**Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** Nghiên cứu được thực hiện tại Khoa khám bệnh ngoại trú, Bệnh viện Đại học Võ Trường Toàn từ tháng 01/2025 đến 02/2025.

#### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả.

**Cỡ mẫu:** tính theo công thức ước tính cỡ mẫu 1 tỷ lệ:

$$n = Z_{1-\frac{\alpha}{2}}^2 \frac{p \times (1 - p)}{d^2}$$

*Trong đó:* - n: cỡ mẫu nghiên cứu tối thiểu.  
 -  $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$  là giá trị phân bố chuẩn, được tính dựa trên mức ý nghĩa thống kê 5%.  
 - d: sai số tuyệt đối, chọn  $d = 0,05$ .  
 - p: tỷ lệ ước đoán bệnh nhân tuân thủ điều trị đái tháo đường typ 2 (dựa theo nghiên cứu của Phan Vũ Hùng và Trần Đỗ Thanh Phong năm 2022 có tỷ lệ tuân thủ điều trị của bệnh nhân theo thang đo Morisky – 8 là 77%) [3].

Thay vào công thức trên:  $n \approx 273$  bệnh nhân.

Thực tế, chúng tôi khảo sát trên 300 bệnh nhân.

**Phương pháp chọn mẫu:** Áp dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiên. Chọn tất cả bệnh nhân thỏa điều kiện để mời tham gia vào nghiên cứu.

**Nội dung nghiên cứu:**

*Đặc điểm chung của bệnh nhân:* Tuổi, giới tính, nơi ở, tham gia Bảo hiểm y tế, tình trạng gia đình, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thời gian mắc bệnh, tiền sử gia đình.

*Tuân thủ điều trị:* Tuân thủ điều trị đái tháo đường của bệnh theo thang đo Morisky-8.

**Công cụ thu thập và xử lý số liệu:** Tất cả các số liệu thu thập được đều được ghi nhận, lưu trữ trên phần mềm Excel 2019 và được xử lý bằng phần mềm SPSS 26.0.

**2.3. Y đức:** Nghiên cứu được sự chấp thuận và tạo điều kiện của Lãnh đạo Trường Đại học Võ Trường Toản và Ban Giám đốc Bệnh viện Đại học Võ Trường Toản. Mọi thông tin đều được giữ bí mật, đảm bảo tính trung thực, khách quan và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.

**III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU**

**3.1. Đặc điểm chung của bệnh nhân**

**Bảng 3.1. Đặc điểm chung của bệnh nhân Đái tháo đường type 2**

Đặc điểm		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	≥60 tuổi	159	53,0
	<60 tuổi	141	47,0
Giới tính	Nam	122	40,7
	Nữ	178	59,3
Nơi ở	Thành thị	181	60,3
	Nông thôn	119	39,7
Tham gia BHYT	Có tham gia BHYT	300	100
	Không tham gia BHYT	0	0
Tình trạng gia đình	Độc thân	6	2,0
Trình độ học vấn	Sống chung với gia đình	294	98,0
	Không biết chữ	29	9,7
	Tiểu học	61	20,3
	Trung học cơ sở	63	21,0

	Trung học phổ thông	120	40,0
	Đại học/sau đại học	27	9,0
Nghề nghiệp	Lao động trí thức	25	8,3
	Lao động chân tay	120	40,0
	Nghỉ hưu	155	51,7
Thời gian mắc bệnh	≥5 năm	84	28,0
	<5 năm	216	72,0
Tiền sử gia đình	Có	131	43,7
	Không	169	56,3

**Nhận xét:** Tỷ lệ bệnh nhân có độ tuổi từ 60 tuổi trở lên chiếm 53%, nữ giới chiếm số lượng cao hơn nam giới, đa số sống ở nông thôn và đều tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%. Thông qua bảng trên cũng cho thấy, tỷ lệ bệnh nhân sống chung với gia đình là chủ yếu chiếm 98%, trình độ học vấn từ đại học trở lên chỉ chiếm 9%, trong khi tỷ lệ trình độ học vấn từ dưới trung học phổ thông chiếm phần lớn. Do đó, có thể nhận thấy, tỷ lệ lao động chân tay và nghỉ hưu chiếm đa số lần lượt là 40% và 51.7%. Thời gian mắc bệnh ở bệnh nhân chủ yếu dưới 5 năm chiếm 72% và đa phần tiền sử gia đình không mắc bệnh Đái tháo đường type 2 là 56.3%.

**3.2. Tuân thủ điều trị đái tháo đường type 2 của bệnh nhân theo thang đo Morisky-8**

**Bảng 3.2. Tuân thủ điều trị đái tháo đường type 2 theo thang đo Morisky-8**

Nội dung	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Thỉnh thoảng từng quên dùng thuốc	Có	98 32,7
	Không	202 67,3
Trong hai tuần qua, có lúc quên dùng thuốc	Có	40 13,3
	Không	260 86,7
Ngưng hoặc giảm dùng thuốc khi cảm thấy bệnh không tốt hơn	Có	43 14,3
	Không	257 85,7
Đi xa nhà, quên mang theo thuốc	Có	58 19,3
	Không	242 80,7
Chưa dùng thuốc của ngày hôm qua	Có	33 11,0
	Không	267 89,0
Khi cảm thấy triệu chứng bệnh đã ổn định, ngưng hoặc giảm dùng thuốc	Có	79 26,3
	Không	221 73,7
Cảm thấy không thoải mái khi phải điều trị lâu dài	Có	90 30,0
	Không	210 70,0
Gặp khó khăn khi phải nhớ dùng thuốc đều đặn	Có	88 29,3
	Không	212 70,7

**Nhận xét:** Có một vài bệnh nhân quên dùng thuốc, cảm thấy không thoải mái khi phải điều trị lâu dài và gặp khó khăn khi phải nhớ dùng thuốc đều đặn lần lượt là 32.7%, 26.3% và 29.3%.



**Biểu đồ 3.1. Tỷ lệ tuân thủ điều trị đái tháo đường type 2 theo thang đo Morisky-8**

**Nhận xét:** Tỷ lệ bệnh nhân tuân thủ điều trị dùng thuốc chiếm 70,3%.

#### IV. BÀN LUẬN

**4.1. Đặc điểm chung của bệnh nhân.** Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm bệnh nhân từ 60 tuổi trở lên chiếm 53%, trong khi nhóm dưới 60 tuổi chiếm 47%. Tỷ lệ này cao hơn so với nghiên cứu của Trần Đỗ Thanh Phong và Phan Vũ Hùng, trong đó nhóm  $\geq 60$  tuổi chỉ chiếm 40,4% và nhóm  $< 60$  tuổi chiếm 59,6% [3].

Về giới tính, nữ giới chiếm 59,3% và nam giới chiếm 40,7%, tương đồng với nghiên cứu của Đỗ Đình Tùng và Nguyễn Thị Cúc, trong đó tỷ lệ nữ là 58% và nam là 42% [5]. Phần lớn bệnh nhân sinh sống tại khu vực thành thị, chiếm 60,3%, kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trần Thị Thủy Nhi và Lê Chuyển (52,3%) [4].

Đa số bệnh nhân sống cùng gia đình (98%), tương tự nghiên cứu của Nguyễn Thị Bích Ngân và cộng sự với tỷ lệ 95,8% [6].

Về trình độ học vấn, tỷ lệ bệnh nhân không biết chữ là 9,7%; tiểu học 21%; trung học cơ sở 25%; trung học phổ thông 35,3%; và đại học 9%. Nhóm có trình độ trung học phổ thông chiếm đa số, tương đồng với kết quả của Trần Đỗ Thanh Phong và Phan Vũ Hùng, trong đó tỷ lệ học vấn trung học cơ sở và trung học phổ thông chiếm phần lớn [3].

Xét về nghề nghiệp, nhóm nghỉ hưu chiếm 51,7%, phù hợp với cơ cấu độ tuổi trong nghiên cứu khi nhóm  $\geq 60$  tuổi chiếm 53%. Lao động chân tay chiếm 40%, trong khi lao động trí thức chỉ chiếm 8,3%, phản ánh tỷ lệ bệnh nhân có trình độ học vấn cao còn thấp.

Tỷ lệ bệnh nhân có tiền sử gia đình mắc đái tháo đường type 2 là 43,7%, trong khi nhóm không có tiền sử chiếm 56,3%.

**4.2. Tuân thủ điều trị đái tháo đường type 2 theo thang đo Morisky-8.** Trong nghiên cứu của chúng tôi, tỷ lệ bệnh nhân đái tháo đường type 2 tuân thủ điều trị đạt 70,3%, trong khi không tuân thủ là 29,3%. Kết quả này cho thấy phần lớn người bệnh đã có ý thức trong việc tuân thủ điều trị, tuy nhiên vẫn còn một tỷ

lệ đáng kể chưa thực hiện đầy đủ. Sự không tuân thủ có thể bắt nguồn từ nhiều yếu tố như thiếu kiến thức về bệnh, quên dùng thuốc, tác dụng phụ của thuốc, chi phí điều trị, hoặc thiếu sự hỗ trợ từ gia đình và nhân viên y tế.

Tỷ lệ tuân thủ trong nghiên cứu của chúng tôi thấp hơn so với nghiên cứu của Trần Đỗ Thanh Phong và Phan Vũ Hùng (77%) [3], có thể do khác biệt về đặc điểm dân số nghiên cứu, môi trường sống, điều kiện kinh tế – xã hội, hoặc mức độ theo dõi của cơ sở y tế. Mặc dù vậy, kết quả vẫn phản ánh xu hướng cải thiện tích cực trong nhận thức và hành vi điều trị của bệnh nhân đái tháo đường type 2 trong những năm gần đây, đồng thời nhấn mạnh nhu cầu tăng cường giáo dục sức khỏe và tư vấn cá thể hóa để nâng cao hơn nữa tỷ lệ tuân thủ, góp phần kiểm soát tốt bệnh và ngăn ngừa biến chứng lâu dài.

#### V. KẾT LUẬN

Đặc điểm chung của bệnh nhân: Đa số người bệnh trong nghiên cứu ở nhóm  $\geq 60$  tuổi (53,0%), nữ giới chiếm ưu thế (59,3%) và sống tại thành thị (60,3%). Tất cả đều có tham gia bảo hiểm y tế (100%) và phần lớn sống cùng gia đình (98,0%). Về học vấn, nhóm trung học phổ thông chiếm tỷ lệ cao nhất (40,0%). Nghề nghiệp chủ yếu là nghỉ hưu (51,7%). Thời gian mắc bệnh dưới 5 năm chiếm đa số (72,0%), và 43,7% có tiền sử gia đình mắc bệnh. Tỷ lệ tuân thủ điều trị đái tháo đường type 2 của bệnh nhân theo thang đo Morisky-8: tuân thủ điều trị là 70,3% và không tuân thủ điều trị là 29,3%.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Who Health Organization (2024)**, "Diabetes", Who Health Organization.
2. **Bộ Y tế (2020)**, "Hướng dẫn chẩn đoán và điều trị bệnh Đái tháo đường type 2", Thư viện pháp luật.
3. **Phan Vũ Hùng và Trần Đỗ Thanh Phong (2024)**, "Tình hình tuân thủ điều trị của bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang 2022", Tạp Chí Y học Cộng đồng, 65(2).
4. **Trần Thị Thủy Nhi và Lê Chuyển (2021)**, "Nghiên cứu tuân thủ sử dụng thuốc theo thang điểm Morisky (MMAS-8) và hiệu quả tư vấn trên bệnh nhân đái tháo đường type 2", Vietnam J, Diabetes Endocrinol, số 46.
5. **Đỗ Đình Tùng và Nguyễn Thị Cúc (2024)**, "Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành về kiểm soát bệnh của người đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn", Tạp Chí Học Việt Nam, 545(1).
6. **Nguyễn Thị Bích Ngân, Bùi Hoàng Lan Anh và cộng sự (2024)**, "Thực trạng tuân thủ dùng thuốc ở người bệnh đái tháo đường tuýp 2 ngoại trú tại Bệnh viện Thống nhất năm 2023", Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Quốc Tế Hồng Bàng, tr 127–134, tháng 5 2024.